UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1912 /UBND-TH	*Bình Định, ngày 13 tháng 04 năm 2022*
V/v báo cáo tình hình SXKD, tình hình tài chính và kiến nghị giải pháp của người đại diện phần vốn nhà nước quý I/2022 tại DN theo Nghị định số 32/2018/NĐ-CP của Chính phủ	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Quyết định số 1898/QĐ-BTC ngày 25/9/2019 và Quyết định số 1405/QĐ-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính về việc công bố danh mục báo cáo định kỳ trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ theo quy định tại Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 8/3/2018 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bình Định quý I năm 2022, cụ thể như sau:

I. Số lượng doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ trên địa bàn tỉnh Bình Định tính đến ngày 31/3/2022:

1. Số lượng doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

- Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định;

- Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn;

- Công ty cổ phần Môi trường Bình Định.

2. Số lượng doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ:

- Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định;

- Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định.

II. Báo cáo tình hình SXKD, tình hình tài chính tại doanh nghiệp:

Số liệu báo cáo chi tiết về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và kiến nghị giải pháp của người đại diện phần vốn nhà nước trong quý I/2022 của các doanh nghiệp bao gồm:

- Báo cáo tổng hợp về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của 03 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và 02 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ trên địa bàn tỉnh Bình Định trong quý I/2022: *Theo Phụ lục I đính kèm*;

- Báo cáo của người đại diện phần vốn nhà nước tại 03 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và 02 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới

50% vốn điều lệ về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và kiến nghị giải pháp trong quý I/2022: *Theo báo cáo của 05 doanh nghiệp đính kèm*.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục TCDN – BTC (để báo cáo);
- CT, PCT Ng. Tự Công Hoàng;
- Sở Tài chính;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tự Công Hoàng

Số: 1912/UBND-TH
Thời gian ký: 13/04/2022 16:48:40 +07:00

PHỤ LỤC I
BÁO CÁO TÌNH HÌNH SXKD, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ VÀ DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ DƯỚI 50% VỐN ĐIỀU LỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH QUÝ I/2022

(Kèm theo Công văn số: /UBND-TH ngày /4/2022 của UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng tài sản				Vốn chủ sở hữu				Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
		Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
1	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	416.969	-7.250	409.719	-7.250	152.491	6.758	159.249	6.758	124.108	0	124.108	0
2	Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn	361.855	6.636	368.491	6.636	21.999	0	21.999	0	15.171	0	15.171	0
3	Công ty cổ phần Môi trường Bình Định	266.417	-11.854	254.563	-11.854	41.658	2.818	44.476	2.818	34.271	0	34.271	0
4	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	243.510	686	244.196	686	208.106	3.994	212.100	3.994	123.926	0	123.926	0
5	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	1.501.598	235	1.501.833	235	1.066.116	40.484	1.106.600	40.484	576.124	0	576.124	0
TỔNG CỘNG		**2.790.349**	**-11.547**	**2.778.802**	**-11.547**	**1.490.370**	**54.054**	**1.544.424**	**54.054**	**873.600**	**0**	**873.600**	**0**

Ghi chú:

- Số đầu kỳ là số liệu tại thời điểm 01/01/2022;
- Luỹ kế đến kỳ báo cáo là lũy kế số phát sinh đến kỳ báo cáo.

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Vốn điều lệ				Vốn góp của nhà nước				Tổng doanh thu				Tổng lợi nhuận trước thuế			
		Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo
(1)	*(2)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*
1	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	124.108	0	124.108	0	63.295	0	63.295	0	0	54.882	54.882	54.882	0	8.466	8.466	8.466
2	Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn	15.171	0	15.171	0	7.737	0	7.737	0	0	37.700	37.700	37.700	0	1.635	1.635	1.635
3	Công ty cổ phần Môi trường Bình Định	34.271	0	34.271	0	17.478	0	17.478	0	0	28.796	28.796	28.796	0	1.804	1.804	1.804
4	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	123.926	0	123.926	0	30.981	0	30.981	0	0	40.125	40.125	40.125	0	5.000	5.000	5.000
5	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	576.124	0	576.124	0	76.835	0	76.835	0	0	345.290	345.290	345.290	0	49.105	49.105	49.105
TỔNG CỘNG		**873.600**	**0**	**873.600**	**0**	**196.326**	**0**	**196.326**	**0**	**0**	**506.793**	**506.793**	**506.793**	**0**	**66.010**	**66.010**	**66.010**

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Lỗ lũy kế				Thuế và các khoản phát sinh phải nộp				Thuế GTGT			
		Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo
(1)	*(2)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)=(39)+(43)+(47)+(51)+(55)*	*(36)=(40)+(44)+(48)+(52)+(56)*	*(37)=(41)+(45)+(49)+(53)+(57)*	*(38)=(42)+(46)+(50)+(54)+(58)*	*-39*	*(40)*	*(41)*	*(42)*
1	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	0	0	0	0	0	6.228	6.228	6.228	0	1.352	1.352	1.352
2	Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn	0	0	0	0	0	1.656	1.656	1.656	0	1.303	1.303	1.303
3	Công ty cổ phần Môi trường Bình Định	0	0	0	0	0	2.130	2.130	2.130	0	1.507	1.507	1.507
4	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	0	0	0	0	0	6.245	6.245	6.245	0	810	810	810
5	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	0	0	0	0	0	27.470	27.470	27.470	0	16.034	16.034	16.034
TỔNG CỘNG		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**43.729**	**43.729**	**43.729**	**0**	**21.006**	**21.006**	**21.006**

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Thuế TTĐB				Thuế TNDN				Cổ tức, lợi nhuận được chia đối với phần vốn góp của NN (nếu có)				Các khoản thuế phí phải nộp khác			
		Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Luỹ kế đến kỳ báo cáo
(1)	*(2)*	*(43)*	*(44)*	*(45)*	*(46)*	*(47)*	*(48)*	*(49)*	*(50)*	*(51)*	*(52)*	*(53)*	*(54)*	*(55)*	*(56)*	*(57)*	*(58)*
1	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	0	0	0	0	0	1.708	1.708	1.708	0	0	0	0	0	3.168	3.168	3.168
2	Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn	0	0	0	0	0	327	327	327	0	0	0	0	0	26	26	26
3	Công ty cổ phần Môi trường Bình Định	0	0	0	0	0	361	361	361	0	0	0	0	0	262	262	262
4	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	0	0	0	0	0	1.030	1.030	1.030	0	0	0	0	0	4.405	4.405	4.405
5	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	0	0	0	0	0	9.765	9.765	9.765	0	0	0	0	0	1.671	1.671	1.671
TỔNG CỘNG		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**13.191**	**13.191**	**13.191**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**9.532**	**9.532**	**9.532**